

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 11.2 và Xí nghiệp Sông Đà 11.5 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303001301 ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây - nay là thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 4 lần được Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 0500589591 ngày 19 tháng 10 năm 2010 về thay đổi người đại diện theo pháp luật, số điện thoại và địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Sông Đà	1.500.000.000	3%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	18.000.000.000	31%
Ông Nguyễn Trí Dũng	5.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	25.500.000.000	56%
Cộng	50.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội
Điện thoại : 04 22 463 212
Fax : 04 33 554 511
E-mail : Songda11thanglong@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 8 9 5 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 Thăng Long	BT 03 - Vị trí 24, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội
Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	Số 284, Cách mạng Tháng 8, Phường Hoa Lư, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 11.5 Thăng Long	Số 243, Trường Chinh, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV;
- Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện;
- Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng;
- Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp;
- Xây lắp các kết cấu công trình;
- Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về cơ khí;
- Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Mua bán phương tiện vận tải cơ giới, chuyên chở hàng hoá đường bộ, vật tư thiết bị phục vụ thi công xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi và bưu điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghệ cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500 KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;
- Tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện, điện tử và tự động hoá (trừ dịch vụ thiết kế các công trình);
- Xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng và chung cư, khai thác vật liệu xây dựng./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	26 tháng 04 năm 2011
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	04 tháng 07 năm 2008
Ông Nguyễn Trí Dũng	Ủy viên	04 tháng 07 năm 2008
Ông Trần Văn Ngư	Ủy viên	04 tháng 07 năm 2008
Vi Giang Khu	Ủy viên	26 tháng 04 năm 2011

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Khương Văn Nhiệm	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Như Thức	Thành viên	04 tháng 7 năm 2008
Ông Phạm Văn Ngữ	Thành viên	12 tháng 5 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	29 tháng 4 năm 2010	
Ông Đào Văn Tầu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2008	01 tháng 2 năm 2012
Ông Vi Giang Khu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2008	
Ông Ứng Vũ Thanh	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 8 năm 2010	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

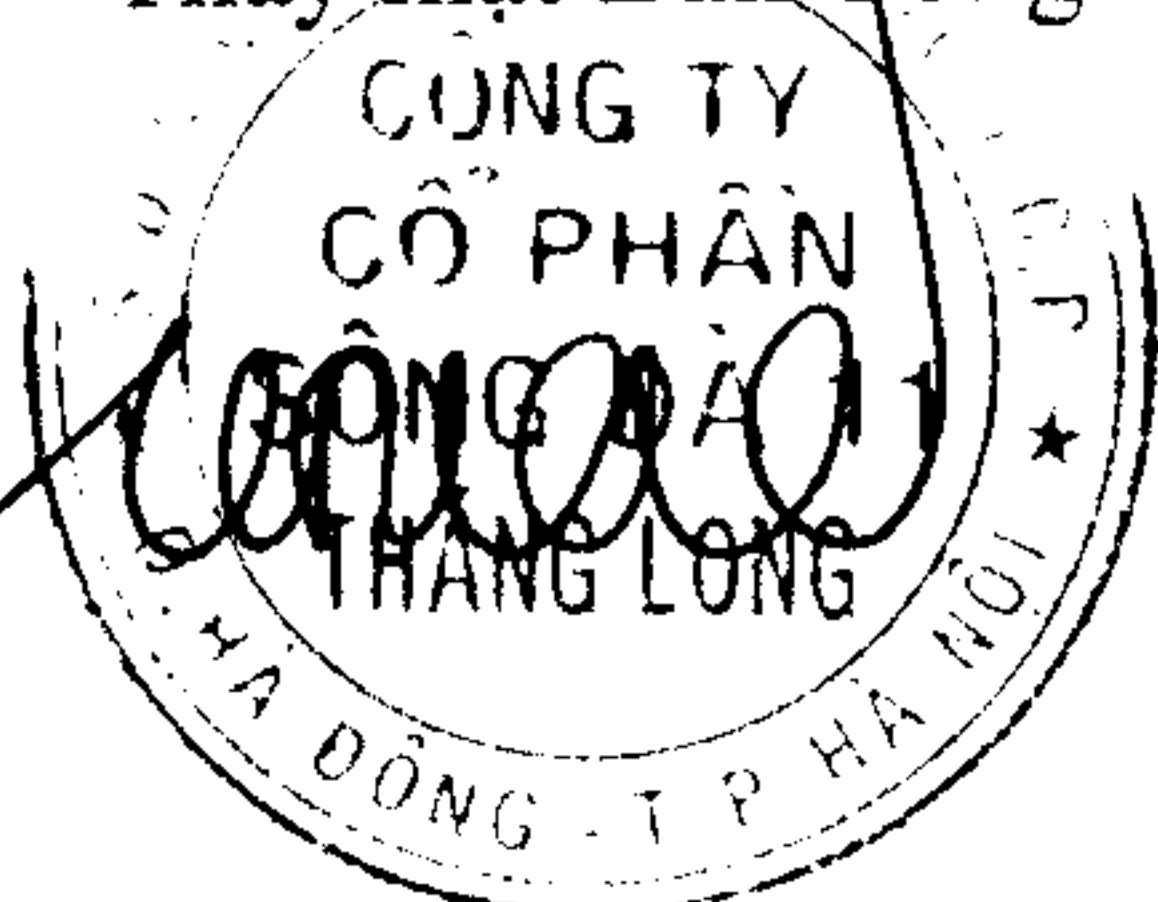
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 08 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 307/2012/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2012, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

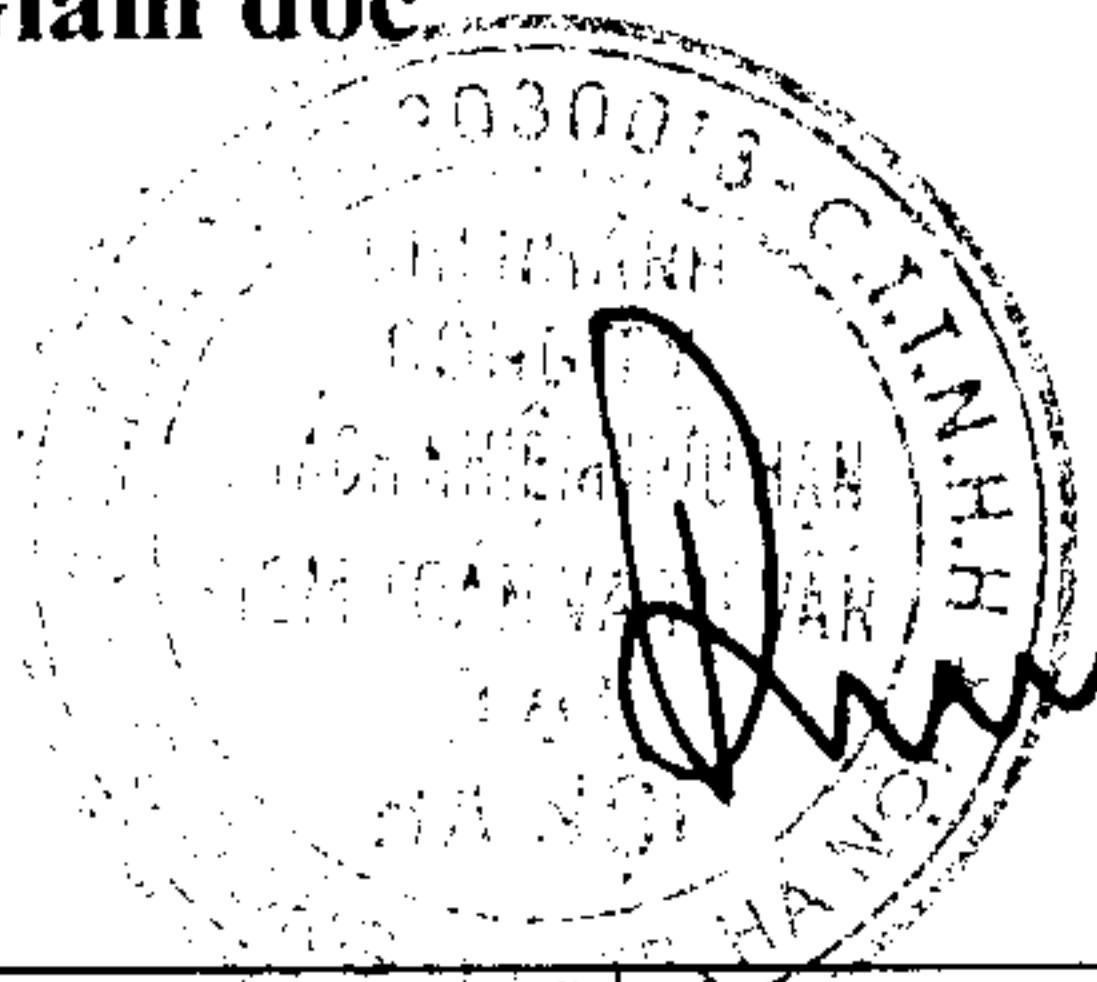
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Về công tác soát xét chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Chi nhánh Hà Nội

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Việt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.914.418.989	226.500.130.285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.650.919.908	18.058.266.009
1. Tiền	111		17.650.919.908	7.058.266.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.552.844.927	119.472.411.118
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	116.661.633.517	105.722.503.902
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	13.155.804.231	11.130.739.027
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.735.407.179	2.619.168.189
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		91.939.988.275	78.948.671.110
1. Hàng tồn kho	141	V.5	91.939.988.275	78.948.671.110
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.770.665.879	10.020.782.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	55.436.128	39.438.124
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.528.281	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	11.678.701.470	9.981.343.924

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.948.129.731	36.132.478.772
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.063.996.544	16.172.748.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	11.291.796.544	11.400.548.213
<i>Nguyên giá</i>	222		19.196.348.139	18.334.612.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.904.551.595)	(6.934.064.511)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.611.200.000	4.611.200.000
<i>Nguyên giá</i>	228		4.611.200.000	4.611.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	161.000.000	161.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.300.000.000	18.300.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	10.300.000.000	10.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	8.000.000.000	8.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.584.133.187	1.659.730.559
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.579.133.187	1.654.730.559
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	5.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.862.548.720	262.632.609.057

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		217.387.556.422	194.162.516.278
I. Nợ ngắn hạn	310		213.827.291.739	190.792.685.646
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	65.668.572.314	62.200.643.938
2. Phải trả người bán	312	V.16	66.332.799.718	46.529.450.966
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	23.822.081.224	30.172.888.865
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	11.907.216.091	10.645.751.240
5. Phải trả người lao động	315		11.888.508.121	10.916.733.269
6. Chi phí phải trả	316	V.19	21.645.946.871	14.321.395.787
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	12.110.574.469	15.884.140.815
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	451.592.931	121.680.766
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.560.264.683	3.369.830.632
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	699.046.268	699.046.268
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	383.149.524	391.525.524
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.24	2.478.068.891	2.279.258.840
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.474.992.298	68.470.092.779
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	72.474.992.298	68.470.092.779
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.621.644.637	4.344.230.853
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.357.835.977	948.992.506
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.495.511.684	8.176.869.420
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.862.548.720	262.632.609.057

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		200,80	200,68
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 13 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Hiếu

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	154.625.964.324	80.614.814.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		154.625.964.324	80.614.814.889
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	133.739.130.500	63.058.733.183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.886.833.824	17.556.081.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	87.134.323	264.236.915
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.080.259.928	6.430.927.449
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.080.259.928	6.430.927.449
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9.525.600.765	7.701.022.389
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.368.107.454	3.688.368.783
11. Thu nhập khác	31	VI.6	143.202.632	116.468.222
12. Chi phí khác	32	VI.7	384.419.289	69.950.845
13. Lợi nhuận khác	40		(241.216.657)	46.517.377
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.126.890.797	3.734.886.160
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.631.379.113	972.043.053
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.495.511.684</u>	<u>2.762.843.107</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>899</u>	<u>553</u>

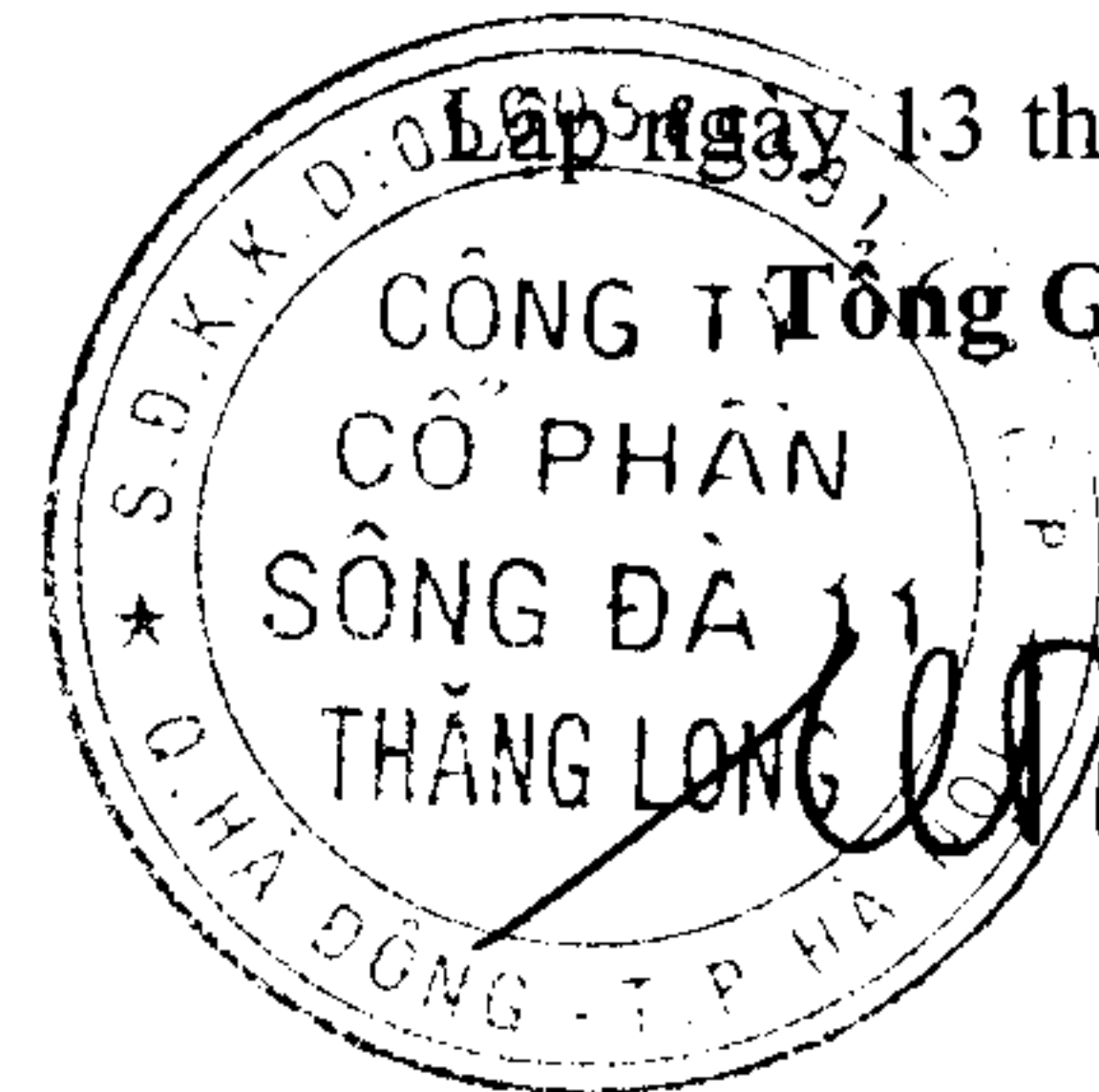
Người lập biểu

Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng

Trần Thanh Giang

Lập ngày 13 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 11
THĂNG LONG
Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.126.890.797	3.734.886.160
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	970.487.084	1.068.512.982
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.400.000)	-
- Chi phí lãi vay	06	5.080.259.928	6.430.927.449
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.173.237.809	11.234.326.591
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.542.920.178)	13.348.481.912
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.991.317.165)	(36.032.552.497)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.093.145.285	10.604.244.314
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	59.599.368	293.260.917
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.101.924.723)	(6.446.357.738)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.553.071.840	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.985.171.298)	(543.131.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.257.720.938	(7.541.728.365)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(861.735.415)	(1.008.082.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.400.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(857.335.415)	(1.008.082.363)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

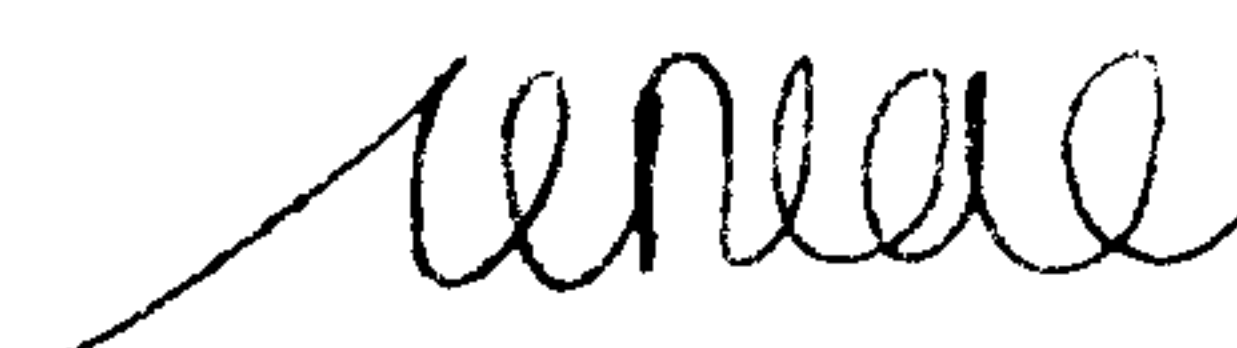
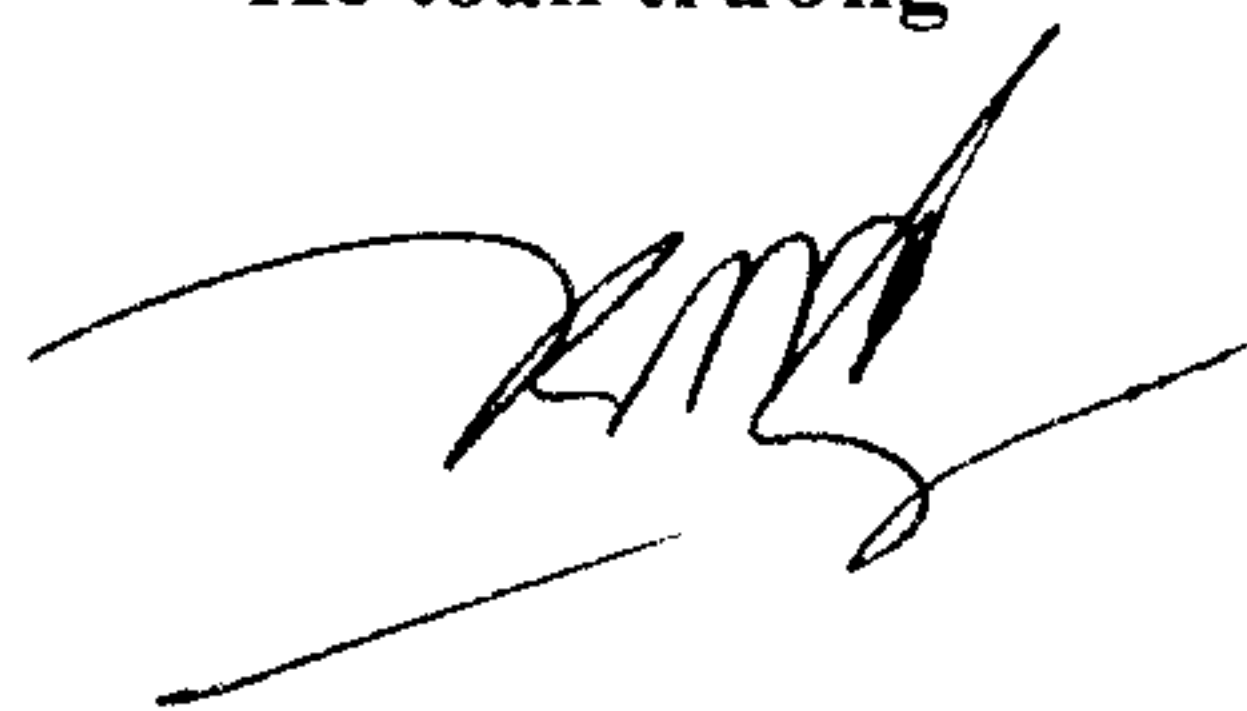
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	58.950.047.437	62.310.309.287
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(55.482.119.061)	(53.090.761.146)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.275.660.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(1.807.731.624)	9.219.548.141
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(407.346.101)	669.737.413
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	18.058.266.009	13.459.072.102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	17.650.919.908	14.128.809.515

Lập ngày 13 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Hiếu

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, lắp đặt
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kv; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị; Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 503 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 434 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	847.036.406	3.578.514.830
Tiền gửi ngân hàng	16.803.883.502	3.479.751.179
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	11.000.000.000
Cộng	<u>17.650.919.908</u>	<u>18.058.266.009</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	109.062.877.630	78.376.202.128
Khách hàng mua điện, nước và dịch vụ khác	7.598.755.887	27.346.301.774
Cộng	<u>116.661.633.517</u>	<u>105.722.503.902</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	11.670.970.997	10.517.703.889
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	1.484.833.234	613.035.138
Cộng	<u>13.155.804.231</u>	<u>11.130.739.027</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT phải thu nhân viên	363.121.532	886.703.392
Nguyễn Mạnh Hà	-	600.000.000
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư	345.637.429	522.245.922
Tiền đền bù do mất vật tư	637.707.323	-
Tiền ăn của CBNV	702.054.973	-
Tiền lãi trái phiếu phải thu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	66.207.500
Tiền vật tư nhiên liệu	111.714.713	-
Các khoản phải thu khác	575.171.209	544.011.375
Cộng	<u>2.735.407.179</u>	<u>2.619.168.189</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.761.652.350	6.142.166.380
Công cụ, dụng cụ	417.708.076	262.205.622
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.760.627.849	72.544.299.108
Cộng	<u>91.939.988.275</u>	<u>78.948.671.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.484.521	30.859.955
Chi phí vận chuyển hàng hóa	24.951.607	-
Chi phí sửa chữa	-	8.578.169
Cộng	55.436.128	39.438.124

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	7.355.049.449	9.933.091.361
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.323.652.021	48.252.563
Cộng	11.678.701.470	9.981.343.924

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.699.063.505	6.313.938.862	7.436.854.947	884.755.410	18.334.612.724
Tăng do mua sắm mới trong kỳ	-	27.270.000	834.465.415	-	861.735.415
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.699.063.505	6.341.208.862	8.271.320.362	884.755.410	19.196.348.139
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	199.033.803	3.042.424.073	3.306.758.536	385.848.099	6.934.064.511
Tăng do khấu hao trong kỳ	74.637.678	372.742.895	451.936.882	71.169.629	970.487.084
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	273.671.481	3.415.166.968	3.758.695.418	457.017.728	7.904.551.595
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.500.029.702	3.271.514.789	4.130.096.411	498.907.311	11.400.548.213
Số cuối kỳ	3.425.392.024	2.926.041.894	4.512.624.944	427.737.682	11.291.796.544

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.958.799.921 VND và 12.287.204.915 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng 262 m² đất tại BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ban Quản lý dự án khu đô thị Xa La đang làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận. Quyền sử dụng đất này được Công ty mua lại của cá nhân theo hợp đồng chuyển nhượng ký năm 2009. Giá trị Quyền sử dụng đất tạm tăng chưa bao gồm lệ phí trước bạ và các chi phí khác theo quy định của nhà nước trước khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
XDCB dở dang				
- Công trình nhà văn phòng Chi nhánh 11.2	161.000.000	-	-	161.000.000
Cộng	161.000.000	-	-	161.000.000

11. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500378582 ngày 20 tháng 10 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 24.000.000.000 VND tương đương 2.400.000 cổ phần và 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.300.000.000 VND, tương đương 785.000 cổ phần.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông về việc thông qua phương án điều chỉnh vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long từ 45% xuống còn 40% và không có thỏa thuận nào khác về việc nắm quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông, do đó khoản đầu tư này được trình bày ở chi tiêu "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh".

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Cộng		8.000.000.000		8.000.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ dụng cụ	173.480.559	181.476.077	144.573.449	210.383.187
Thương hiệu Sông Đà	912.500.000	-	75.000.000	837.500.000
Lợi thuế thương mại	568.750.000	-	37.500.000	531.250.000
Cộng	1.654.730.559	181.476.077	257.073.449	1.579.133.187

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	64.181.977.582	59.227.454.474
+) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (a)	43.535.367.263	34.323.513.663
+) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (b)	-	4.919.626.726
+) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ (c)	20.646.610.319	19.984.314.085
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.000.000.000	2.000.000.000
+) Vay Ông Hà Văn Cường (d)	1.000.000.000	1.000.000.000
+) Vay Ông Đỗ Quang Cường	-	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	486.594.732	973.189.464
Cộng	<u>65.668.572.314</u>	<u>62.200.643.938</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và tài trợ thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc duy trì giá trị các khoản phải thu tối thiểu là 60.000.000.000 VND.
- (c) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1400-LAV-201000579 ngày 10/06/2011, số tiền vay tối đa là 20 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, lãi vay theo từng lần nhận nợ.
- (d) Khoản vay Ông Hà Văn Cường với lãi suất 21%/năm trong thời hạn 03 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	59.227.454.474	58.950.047.437	53.995.524.329	64.181.977.582
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	973.189.464	-	486.594.732	486.594.732
Cộng	<u>62.200.643.938</u>	<u>58.950.047.437</u>	<u>55.482.119.061</u>	<u>65.668.572.314</u>

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	12.238.749.192	44.323.438.199
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	54.094.050.526	2.206.012.767
Cộng	<u>66.332.799.718</u>	<u>46.529.450.966</u>

17. Người mua trả tiền trước

Là khoản ứng trước tiền thi công công trình xây lắp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.016.649.324	3.169.188.220	3.649.263.514	5.536.574.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.247.217.777	1.631.379.113	-	5.878.596.890
Thuế thu nhập cá nhân	354.816.515	130.105.598	-	484.922.113
Thuế nhà đất	27.067.624	9.972.283	29.916.849	7.123.058
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	94.973.000	94.973.000	-
Cộng	10.645.751.240	5.042.618.214	3.781.153.363	11.907.216.091

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.126.890.797	3.734.886.160
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	398.625.653	153.286.050
- Các khoản điều chỉnh tăng	398.625.653	-
+) Chi phí không được trừ	398.625.653	153.286.050
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.525.516.450	3.888.172.210
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	6.525.516.450	3.888.172.210
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.631.379.113	972.043.053
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.631.379.113	972.043.053

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**19. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	152.270.703	173.935.498
Chi phí thuê nhà	225.800.000	12.000.000
Chi phí hiệu chỉnh trạm biến áp	1.454.132.971	-
Chi phí thuê máy	580.000.000	590.452.652
Phí bảo lãnh tiền ứng	340.786.614	-
Tiền thuê xe đưa đón nhân viên	80.000.000	-
Khối lượng xây lắp tạm tính	17.753.960.717	8.784.916.982
Chi phí vật tư	984.723.139	4.156.955.339
Các khoản chi phí phải trả khác	74.272.727	603.135.316
Cộng	<u>21.645.946.871</u>	<u>14.321.395.787</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.742.839.296	1.988.008.786
Kinh phí công đoàn	1.151.531.271	990.265.584
Tiền cổ tức phải trả cho cổ đông	1.539.340.000	6.815.000.000
Tiền vật tư	589.295.053	589.295.053
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù	-	94.543.570
Tiền vay vốn thi công CT Xêkaman 3	654.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	1.928.087.964	824.380.737
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình	2.231.363.475	3.385.568.056
Phải trả do chi quá tạm ứng	906.201.437	-
Kinh phí hoạt động công tác đảng	301.173.136	306.173.136
Quỹ xã hội nhân đạo	180.594.518	187.094.518
Phải trả phải nộp khác	886.148.319	703.811.375
Cộng	<u>12.110.574.469</u>	<u>15.884.140.815</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	121.680.766
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	490.612.165
Chi quỹ trong năm	(160.700.000)
Số cuối kỳ	<u>451.592.931</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>699.046.268</i>	<i>699.046.268</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung ^(a)</i>	<i>361.734.804</i>	<i>361.734.804</i>
- <i>Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD</i>	<i>154.819.581</i>	<i>154.819.581</i>
- <i>Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD</i>	<i>206.915.223</i>	<i>206.915.223</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội</i> ^(b)	<i>337.311.464</i>	<i>337.311.464</i>
- Hợp đồng tín dụng số 207-01.07.10/HDTDTDH/TPB.HN	337.311.464	337.311.464
Cộng	<u>699.046.268</u>	<u>699.046.268</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hai hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”, giá trị tài sản tạm tính: 948.501.273 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	699.046.268
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>699.046.268</u>

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	391.525.524
Số đã chi	(8.376.000)
Số cuối kỳ	<u>383.149.524</u>

24. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ xây dựng, lắp đặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

25. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	50.000.000.000	5.000.000.000	2.519.993.850	481.338.742	9.353.075.283	67.354.407.875
Trích lập các quỹ	-	-	1.824.237.003	467.653.764	(2.853.075.283)	(561.184.516)
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	8.176.869.420	8.176.869.420
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>50.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>4.344.230.853</u>	<u>948.992.506</u>	<u>8.176.869.420</u>	<u>68.470.092.779</u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	4.344.230.853	948.992.506	8.176.869.420	68.470.092.779
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	4.495.511.684	4.495.511.684
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	2.277.413.784	408.843.471	(3.176.869.420)	(490.612.165)
Số dư cuối kỳ này	<u>50.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>6.621.644.637</u>	<u>1.357.835.977</u>	<u>9.495.511.684</u>	<u>72.474.992.298</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Trả cổ tức năm trước	5.275.660.000
Cộng	<u>5.275.660.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
+) Tổng doanh thu	154.625.964.324	80.614.814.889
- Doanh thu kinh doanh điện	16.001.760.801	5.620.803.653
- Doanh thu bán vật tư	646.848.205	4.845.091.405
- Doanh thu hoạt động xây dựng	133.718.935.464	70.148.919.831
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.258.419.854	-
+) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	154.625.964.324	80.614.814.889

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động kinh doanh điện	14.705.215.956	4.884.114.280
Giá vốn hoạt động bán vật tư	637.376.640	2.179.070.077
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	115.923.062.716	55.995.548.826
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.473.475.188	-
Cộng	133.739.130.500	63.058.733.183

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	82.734.323	107.034.091
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.400.000	-
Lãi chậm trả	-	157.202.824
Cộng	87.134.323	264.236.915

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.388.418.891	4.302.301.821
Chi phí vật liệu quản lý	516.197.428	591.169.052
Chi phí đồ dùng văn phòng	370.902.587	138.777.863
Chi phí khấu hao TSCĐ	499.466.277	522.526.761
Thuế, phí và lệ phí	86.644.558	52.705.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	982.496.770	767.436.044
Chi phí bằng tiền khác	1.681.474.254	1.326.105.683
Cộng	9.525.600.765	7.701.022.389

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện	-	2.946.238
Phí bảo lãnh công trình	143.202.632	113.521.984
Cộng	143.202.632	116.468.222

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	57.904.735	33.539.114
Tiền phạt vi phạm hành chính	800.000	14.500.000
Tiền phạt chậm nộp thuế	220.495.324	21.911.731
Phí bảo lãnh	105.219.230	-
Cộng	384.419.289	69.950.845

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.495.511.684	2.762.843.107
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.495.511.684	2.762.843.107
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	899	553

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tiền lương	747.392.505
Phụ cấp	198.000.000
Cộng	<u>945.392.505</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết với Công ty mẹ
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính của Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà		
Thanh toán tiền khối lượng xây lắp	(120.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
Thu tiền khối lượng xây lắp	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông		
Phải thu tiền khối lượng xây lắp	180.288.776	-
Thuế GTGT	18.028.878	-
Phải trả do mua tài sản cố định là xe ô tô	(719.492.415)	-
Thuế GTGT	(71.949.242)	-
Đối trừ công nợ với nợ phải thu	791.441.657	-
Tập đoàn Sông Đà		
Ứng trước tiền thi công công trình xây lắp	10.637.980.697	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
Giao dịch bán hàng		
Giá trị xây lắp hoàn thành	4.298.045.252	10.362.029.029
Thuế GTGT	429.804.525	1.036.202.902
Ứng trước tiền thi công công trình xây lắp	1.516.751.622	-
Tiền phí bảo hiểm công trình	-	25.060.803
	413.449.655	310.848.004
Giao dịch mua hàng		
Tiền phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	402.464.009	310.848.004
Tiền phí bảo hiểm công trình	9.986.951	-
Thuế GTGT	998.695	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	11.962.104.641	18.063.388.284
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	247.293.178	447.293.178
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bùng		
Phải thu khối lượng xây lắp	1.838.033.068	2.425.958.626
Phải thu tiền điện	5.198.445	5.198.445
Cộng nợ phải thu	14.052.629.332	20.941.838.533
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
Ứng trước về giá trị công trình xây lắp	1.516.751.622	-
Phải trả tiền khối lượng xây lắp	-	-
Phải trả tiền vật tư	690.565.673	722.749.308
Tiền cổ tức phải trả	-	2.340.000.000
Phải thu tiền phí BL	73.367.142	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà		
Phải trả tiền khối lượng xây lắp	487.213.339	607.213.339
Tập đoàn Sông Đà		
Ứng trước thi công công trình xây lắp	10.637.980.697	-
Cộng nợ phải trả	13.405.878.473	3.669.962.647

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Chủ yếu là xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kv; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Chủ yếu là dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị; Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	133.718.935.464	20.907.028.860	-	154.625.964.324
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	105.076.435.437	32.750.987.012	(137.827.422.449)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	238.795.370.901	53.658.015.872	(137.827.422.449)	154.625.964.324
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	114.634.667.117	34.553.988.391	(137.827.422.449)	11.361.233.059
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				11.361.233.059
Doanh thu hoạt động tài chính				87.134.323
Chi phí tài chính				(5.080.259.928)
Thu nhập khác				143.202.632
Chi phí khác				(384.419.289)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.631.379.113)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				4.495.511.684
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.043.211.492	-	-	1.043.211.492
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.061.581.659	165.978.874	-	1.227.560.533
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	70.148.919.831	10.465.895.058		80.614.814.889
Doanh thu thuần và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	35.104.787.415	13.823.133.867	(48.927.921.282)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.253.707.246	24.289.028.925	(48.927.921.282)	80.614.814.889
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.556.928.591	16.226.052.008	(48.927.921.282)	9.855.059.317
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.855.059.317
Doanh thu hoạt động tài chính				264.236.915
Chi phí tài chính				(6.430.927.449)
Thu nhập khác				116.468.222
Chi phí khác				(69.950.845)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(972.043.053)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.762.843.107
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.348.856.539	-	-	1.348.856.539
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.215.660.809	181.370.982	-	1.397.031.791
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				
	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	120.733.848.627	9.083.589.121	-	129.817.437.748
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				160.045.110.972
Tổng tài sản				289.862.548.720
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	36.060.830.416	54.094.050.526	-	90.154.880.942
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				127.232.675.480
Tổng nợ phải trả				217.387.556.422
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	88.893.906.017	27.959.336.912	-	116.853.242.929
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				145.779.366.128
Tổng tài sản				262.632.609.057
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	74.496.327.064	2.206.012.767	-	76.702.339.831

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				117.460.176.447
Tổng nợ phải trả				194.162.516.278

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.650.919.908	18.058.266.009	17.650.919.908	18.058.266.009
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu khách hàng	116.661.633.517	105.722.503.902	116.661.633.517	105.722.503.902
Các khoản phải thu khác	14.419.108.649	12.605.512.113	14.419.108.649	12.605.512.113
Cộng	156.731.662.074	144.386.282.024	156.731.662.074	144.386.282.024
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	66.367.618.582	62.899.690.206	66.367.618.582	62.899.690.206
Phải trả người bán	66.332.799.718	46.529.450.966	66.332.799.718	46.529.450.966
Các khoản phải trả khác	46.028.178.985	41.513.795.395	46.028.178.985	41.513.795.395
Cộng	178.728.597.285	150.942.936.567	178.728.597.285	150.942.936.567

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối kỳ		
Tài sản cố định là trụ sở làm việc và một số máy móc thiết bị	12.287.204.915	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Cộng	12.287.204.915	
Số đầu năm		
Tài sản cố định là trụ sở làm việc và một số máy móc thiết bị	12.829.518.659	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Cộng	12.829.518.659	

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	65.668.572.314	699.046.268	-	66.367.618.582
Phải trả người bán	66.332.799.718	-	-	66.332.799.718
Các khoản phải trả khác	46.028.178.985	-	-	46.028.178.985
Cộng	178.029.551.017	699.046.268	-	178.728.597.285
Số đầu năm				
Vay và nợ	62.200.643.938	699.046.268	-	62.899.690.206
Phải trả người bán	46.529.450.966	-	-	46.529.450.966
Các khoản phải trả khác	41.513.795.395	-	-	41.513.795.395
Cộng	150.243.890.299	699.046.268	-	150.942.936.567

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.


Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

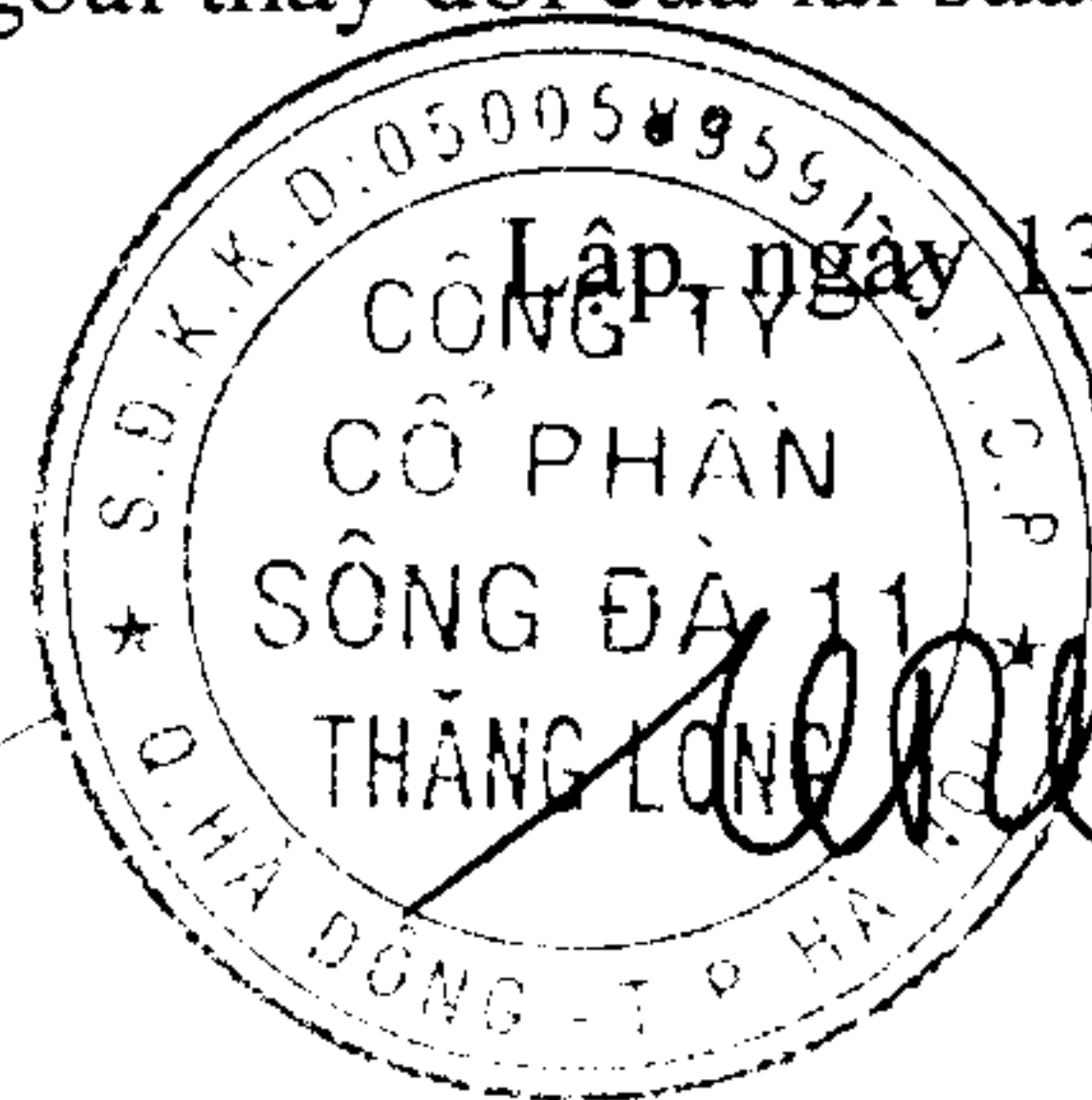
Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.


Đoàn Văn Hiếu
Người lập biểu


Trần Thanh Giang
Kế toán trưởng


Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc



Lập ngày 13 tháng 8 năm 2012